

PHỤ LỤC 2
Danh mục dữ liệu sẵn sàng cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)
(Kèm theo Công văn số /SKHCN-TTCĐS ngày / /2025
của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Mã dịch vụ	Hệ thống/CSDL	Tên dịch vụ	Cơ quan cung cấp	Mô tả dịch vụ
1	G01.01	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ xác thực cấp số CCCD/CMND	Bộ Công an	Dịch vụ này cho phép xác thực thông tin cấp số định danh cá nhân/ số căn cước công dân và số chứng minh nhân dân là cùng 01 công dân trong CSDLQG về dân cư hay không.
2	G01.02	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ tra cứu thông tin công dân	Bộ Công an	Dịch vụ này cho phép chia sẻ các trường thông tin của công dân có trong CSDLQG về dân cư.
3	G01.03	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân	Bộ Công an	Dịch vụ này cho phép cung cấp số định danh công dân có trong CSDLQG về dân cư.
4	G01.04	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ đồng bộ thông tin đăng ký doanh nghiệp	Bộ Công an	Dịch vụ này cho phép đồng bộ thông tin đăng ký doanh nghiệp từ Bộ Kế hoạch đầu tư tới CSDLQG về dân cư.
5	G01.05	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ đồng bộ thông tin giấy phép lái xe	Bộ Công an	Dịch vụ này cho phép đồng bộ thông tin giấy phép lái xe từ Bộ Giao thông vận tải tới CSDLQG về dân cư.
6	G01.06	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ cung cấp thông tin công dân và thông tin biến động cư trú	Bộ Công an	Dịch vụ cung cấp thông tin công dân và thông tin biến động cư trú
7	G01.07	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân (không có số CMND)	Bộ Công an	Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân (không có số CMND)

8	G01.08	CSDL quốc gia về dân cư	Xác thực thông tin doanh nghiệp	Bộ Công an	Xác thực thông tin doanh nghiệp
9	G01.09	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ xác nhận thông tin chủ hộ	Bộ Công an	Dịch vụ xác nhận thông tin chủ hộ
10	G01.10	CSDL quốc gia về dân cư	Dịch vụ đồng bộ thông tin số thuê bao	Bộ Công an	Dịch vụ đồng bộ thông tin số thuê bao
11	G01.11	CSDL quốc gia về dân cư	Lấy thông tin user	Bộ Công an	Kết nối hệ thống VNIED/Lấy thông tin user
12	G17.01	CSDL giấy phép lái xe	Dịch vụ truy cập	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Kết nối truy cập vào dịch vụ lái xe
13	G17.02	CSDL giấy phép lái xe	Dịch vụ tra cứu hồ sơ	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ tra cứu hồ sơ
14	G17.03	CSDL đăng kiểm phương tiện	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ lấy Danh sách hồ sơ
15	G17.04	CSDL đăng kiểm phương tiện (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ lấy thông tin phương tiện	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Lấy thông tin phương tiện
16	G17.05	CSDL đăng kiểm phương tiện (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng kiểm phương tiện	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng kiểm phương tiện

17	G17.06	CSDL đăng kiểm phương tiện (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ cung cấp thông tin giấy phép lái xe	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ cung cấp thông tin giấy phép lái xe
18	G17.07	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	Dịch vụ cung cấp thông tin giấy phép lái xe theo lô	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ cung cấp thông tin giấy phép lái xe theo lô
19	G17.08	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	Dịch vụ khai thác dữ liệu GPLX (giấy phép lái xe) theo đầu vào giấy phép lái xe	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ khai thác dữ liệu GPLX theo đầu vào giấy phép lái xe
20	G17.09	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	Dịch vụ khai thác dữ liệu GPLX theo lô theo đầu vào giấy phép lái xe	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ khai thác dữ liệu GPLX theo lô theo đầu vào giấy phép lái xe
21	G17.10	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	Dịch vụ tra cứu thông tin giấy phép liên vận	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ tra cứu thông tin giấy phép liên vận
22	G17.11	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	API khai thác dữ liệu GPLX theo lô theo đầu vào giấy phép lái xe	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	tra cứu dữ liệu GPLX theo lô theo đầu vào giấy phép lái xe
23	G17.12	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	API tra cứu hồ sơ	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Tra cứu hồ sơ

24	G17.13	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	API lấy danh sách hồ sơ	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Lấy danh sách hồ sơ
25	G17.14	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	API thống kê hồ sơ theo tháng	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Thống kê hồ sơ theo tháng
26	G17.15	Hệ thống quản lý vận tải quốc tế	API tra cứu thông tin giấy phép liên vận	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Tra cứu thông tin giấy phép liên vận
27	G17.16	CSDL giấy phép lái xe	Dịch vụ đồng bộ thông tin giấy phép lái xe	Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông Vận tải)	Dịch vụ này cho phép đồng bộ thông tin giấy phép lái xe từ Bộ Giao thông vận tải tới CSDLQG về dân cư.
28	G17.11	Cổng DVC của Bộ Xây dựng	Dịch vụ Đồng bộ thông tin hồ sơ được người dùng nộp tại cổng dịch vụ công địa phương lên hệ thống thông báo nhà ở hình thành trong tương lai (TBNOHTTTTL) của Bộ Xây dựng.	Bộ Xây dựng	Kết nối thông tin hồ sơ người dùng từ địa phương lên hệ thống của Bộ Xây dựng
29	G17.12	Cổng DVC của Bộ Xây dựng	Đồng bộ thông tin tiến trình xử lý hồ sơ từ cổng dịch vụ công địa phương lên hệ thống TBNOHTTTTL của Bộ Xây dựng.	Bộ Xây dựng	Đồng bộ thông tin tiến trình xử lý hồ sơ từ cổng dịch vụ công địa phương lên hệ thống (Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai) TBNOHTTTTL của Bộ Xây dựng.
30	G17.13	Cổng DVC của Bộ Xây dựng	Đồng bộ thông tin hồ sơ được người dùng nộp tại hệ thống TBNOHTTTTL của Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng	Đồng bộ thông tin hồ sơ được người dùng nộp tại hệ thống TBNOHTTTTL của Bộ Xây dựng

			về phần mềm Một cửa điện tử địa phương.		
31	G12.01	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Doanh nghiệp
32	G12.02	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Hợp tác xã	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Thông tin đăng ký Hợp tác xã
33	G12.03	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin đăng ký Hộ Kinh doanh	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Thông tin đăng ký hộ kinh doanh
34	G12.04	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp danh sách hồ sơ Doanh nghiệp xử lý trong khoảng thời gian	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Cho phép tra danh sách cứu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong khoảng thời gian
35	G12.05	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp danh sách hồ sơ Hợp tác xã xử lý trong khoảng thời gian	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Cho phép tra cứu danh sách hồ sơ đăng ký Hợp tác xã trong khoảng thời gian
36	G12.06	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp danh sách hồ sơ Hộ kinh doanh xử lý trong khoảng thời gian	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Cho phép tra cứu danh sách hồ sơ Hộ kinh doanh trong khoảng thời gian

37	G12.07	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin thông tin mới nhất của hồ sơ đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Cho phép tra cứu thông tin hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
38	G12.08	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin thông tin mới nhất của hồ sơ đăng ký Hợp tác xã	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Cho phép tra cứu thông tin hồ sơ đăng ký Hợp tác xã
39	G12.09	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin thông tin mới nhất của hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Cho phép tra cứu thông tin hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh
40	G12.10	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin chi tiết về quá trình xử lý hồ sơ đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Thông tin về tiến trình xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
41	G12.11	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin chi tiết về quá trình xử lý hồ sơ đăng ký Hợp tác xã	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Thông tin về tiến trình xử lý hồ sơ đăng ký hợp tác xã
42	G12.12	CSDL Đăng ký kinh doanh	Dịch vụ cung cấp thông tin chi tiết về quá trình xử lý hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh	Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Thông tin về tiến trình xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh
43	G12.13	CSDL quốc gia về giá	Hồ sơ kê khai giá Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu hồ sơ kê khai từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia

44	G12.14	CSDL quốc gia về giá	Doanh nghiệp kê khai Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục doanh nghiệp kê khai giá tại Bộ tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
45	G12.15	CSDL quốc gia về giá	Hàng hóa dịch vụ kê khai Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá từ hệ thống Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
46	G12.16	CSDL quốc gia về giá	Chi nhánh kê khai Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá tại Bộ Tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
47	G12.17	CSDL quốc gia về giá	Kho hàng kê khai Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục kho hàng của doanh nghiệp kê khai giá tại Bộ Tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia Nhập dữ liệu/ cập nhật dữ liệu.
48	G12.18	CSDL quốc gia về giá	Đối tượng áp dụng kê khai Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá tại Bộ Tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia
49	G12.19	CSDL quốc gia về giá	Hồ sơ đăng ký Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Hồ sơ giá đăng ký từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
50	G12.20	CSDL quốc gia về giá	Doanh nghiệp kê khai Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu danh mục doanh nghiệp đăng ký giá tại Bộ tài chính qua Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia

51	G12.21	CSDL quốc gia về giá	Hàng hóa dịch vụ đăng ký Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá tại Bộ Tài chính từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
52	G12.22	CSDL quốc gia về giá	Chi nhánh đăng ký Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục chi nhánh của doanh nghiệp đăng ký giá tại Bộ Tài chính từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
53	G12.23	CSDL quốc gia về giá	Kho hàng đăng ký Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục kho hàng của doanh nghiệp đăng ký giá tại Bộ Tài chính từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
54	G12.24	CSDL quốc gia về giá	Đối tượng áp dụng đăng ký Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp đăng ký giá tại Bộ Tài chính từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
55	G12.25	CSDL quốc gia về giá	Doanh nghiệp kê khai giá, danh mục	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu Danh mục doanh nghiệp kê khai giá tại Bộ Tài chính sang hệ thống Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của Bộ Tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính.
56	G12.26	CSDL quốc gia về giá	Dữ liệu kê khai giá	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu giá tại Bộ Tài chính sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính.

57	G12.27	CSDL quốc gia về giá	Hàng hóa dịch vụ doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính
58	G12.28	CSDL quốc gia về giá	Dữ liệu kê khai giá/ danh mục	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính
59	G12.29	CSDL quốc gia về giá	Chi nhánh	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (kho hàng)
60	G12.30	CSDL quốc gia về giá	Danh mục kho hàng	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (lấy danh mục)
61	G12.31	CSDL quốc gia về giá	Kho hàng	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (Kho hàng)
62	G12.32	CSDL quốc gia về giá	Danh mục đối tượng áp dụng	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (Đối tượng)

63	G12.33	CSDL quốc gia về giá	Đối tượng áp dụng	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu danh mục chi nhánh của doanh nghiệp kê khai giá sang hệ thống DVCTT của BTC qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (Đối tượng áp dụng)
64	G12.34	CSDL quốc gia về giá	Danh mục kê khai giá	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu hồ sơ kê khai giá tại Bộ Tài chính sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính (Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp) qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (danh mục hồ sơ kê khai giá)
65	G12.35	CSDL quốc gia về giá	Hồ sơ kê khai giá	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu hồ sơ kê khai giá tại Bộ Tài chính sang hệ thống DVCTT của Bộ Tài chính (Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp) qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài chính (hồ sơ kê khai giá)
66	G12.36	CSDL quốc gia về giá	Hồ sơ kê khai giá thị trường	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương (Hồ sơ kê khai giá thị trường)
67	G12.37	CSDL quốc gia về giá	Hàng hóa dịch vụ thu thập giá thị trường Tỉnh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ thu thập giá thị trường của Tỉnh từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
68	G12.38	CSDL quốc gia về giá	Giá tính thuế tài nguyên	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh ban hành từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương

69	G12.39	CSDL quốc gia về giá	DanhMucTaiNguyenTinh	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục tài nguyên của tỉnh từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương (Danh mục tài nguyên Tỉnh)
70	G12.40	CSDL quốc gia về giá	Hàng hóa dịch vụ thu gom rác thải	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục dịch vụ thu gom rác thải của Tỉnh từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
71	G12.41	CSDL quốc gia về giá	Dịch vụ vận chuyển thu gom rác thải	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
72	G12.42	CSDL quốc gia về giá	Đối tượng tính lệ phí trước bạ	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng tính lệ phí trước bạ do UBND Tỉnh quy định từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
73	G12.43	CSDL quốc gia về giá	Giá tính lệ phí trước bạ	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá tính lệ phí trước bạ do UBND Tỉnh quy định từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
74	G12.44	CSDL quốc gia về giá	Thông tin hội đồng thẩm định giá'	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Dữ liệu giá trị tài sản thẩm định giá Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá Nhà nước định giá từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
75	G12.45	CSDL quốc gia về giá	Tài sản hội đồng thẩm định giá	Bộ Tài chính	Nhận thông tin tài sản do hội đồng thẩm định giá thẩm định
76	G12.46	CSDL quốc gia về giá	Hồ sơ đăng ký giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Dữ liệu hồ sơ đăng ký giá tại địa phương từ CSDL về giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương

77	G12.47	CSDL quốc gia về giá	Doanh nghiệp đăng ký địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục doanh nghiệp đăng ký giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
78	G12.48	CSDL quốc gia về giá	Hàng hóa dịch vụ đăng ký giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá từ CSDL về giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
79	G12.49	CSDL quốc gia về giá	Kho hàng đăng ký giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục kho hàng của doanh nghiệp đăng ký giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
80	G12.50	CSDL quốc gia về giá	Đối tượng áp dụng đăng ký giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp đăng ký giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
81	G12.51	CSDL quốc gia về giá	Hồ sơ kê khai giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Hồ sơ kê khai giá tại địa phương từ CSDL về giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
82	G12.52	CSDL quốc gia về giá	Doanh nghiệp kê khai giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục doanh nghiệp kê khai giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
83	G12.53	CSDL quốc gia về giá	Hàng hóa dịch vụ kê khai giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
84	G12.54	CSDL quốc gia về giá	Kho hàng kê khai giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục kho hàng của doanh nghiệp kê khai giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương

85	G12.55	CSDL quốc gia về giá	Đối tượng áp dụng kê khai giá địa phương	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục đối tượng áp dụng của doanh nghiệp kê khai giá tại địa phương từ Hệ thống CSDL về giá tại địa phương
86	G12.56	CSDL quốc gia về giá	Ô tô Tổng cục Hải quan	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Danh mục các loại ô tô từ hệ thống của Tổng cục Hải quan từ Hệ thống thông tin Tổng cục Hải quan
87	G12.57	CSDL quốc gia về giá	Giá ô tô nhập khẩu	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Giá ô tô nhập khẩu từ hệ thống của Tổng cục Hải quan từ Hệ thống thông tin Tổng cục Hải quan
88	G12.58	CSDL quốc gia về giá	Số doanh nghiệp TDG	Bộ Tài chính	Gửi dữ liệu Số doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá sang Hệ thống thông tin thống kê tài chính qua Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu số ngành tài
89	G12.59	CSDL quốc gia về giá	Kết quả thi cấp thẻ thẩm định viên	Bộ Tài chính	Nhận dữ liệu Kết quả thi cấp thẻ thẩm định viên về giá từ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính
90	G12.60	Hệ thống danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính	Dịch vụ lấy dữ liệu danh mục	Bộ Tài chính	Dữ liệu danh mục hệ thống ngành tài chính
91	G09.01	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội	Dịch vụ đồng bộ hồ sơ tiếp nhận từ DVC (dịch vụ công) địa phương lên DVC của Bộ	Bộ Nội vụ (trước đây là Bộ Lao động -	Hệ thống sẽ dựa vào thông tin này để xác định được hồ sơ là thêm mới hay cập nhật kết quả cuối cùng

		trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp		Thương binh và Xã hội)	
92	G09.02	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp	Dịch vụ đồng bộ tiến trình xử lý hồ sơ DVC địa phương lên DVC của Bộ	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Trạng thái của hồ sơ, giá trị theo bảng đính kèm
93	G09.03	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp	Cập nhật kết quả cuối cùng DVC địa phương lên DVC của Bộ	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Hệ thống sẽ gửi vào thông tin này để xác định được hồ sơ là thêm mới hay cập nhật kết quả cuối cùng
94	G09.04	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp	Dịch vụ lấy hồ sơ đăng ký trên cổng DVC của Bộ về DVC địa phương	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Lấy hồ sơ đăng ký trên cổng DVC của Bộ về DVC địa phương

95	G09.05	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp	Dịch vụ lấy tiến trình xử lý trên cổng DVC của Bộ về DVC địa phương	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Kết quả xử lý hồ sơ
96	G09.06	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội	Dịch vụ lấy kết quả cuối cùng trên cổng DVC của bộ về DVC địa phương	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Xử lý dữ liệu
97	G09.07	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội	Dịch vụ tra cứu Dữ liệu danh mục hành chính	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Tra cứu Dữ liệu danh mục hành chính
98	G09.08	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ	Dữ liệu danh mục ngân hàng	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động -	Dữ liệu danh mục ngân hàng

		giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội		Thương binh và Xã hội)	
99	G09.09	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội	Dữ liệu danh sách chính sách	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Dữ liệu danh sách chính sách
100	G09.10	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội	Dữ liệu danh mục dân tộc	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Dữ liệu danh mục dân tộc
101	G09.11	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập	Dữ liệu danh sách đối tượng	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Dữ liệu danh sách đối tượng

		nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội			
102	G09.12	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội	Dữ liệu danh sách chi trả đối tượng	Bộ Y tế (trước đây là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	Dữ liệu danh sách chi trả đối tượng
103	G09.13	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0001 - Nhóm Thông tin chung	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung của cán bộ, công chức như: số căn cước công dân, họ và tên khai sinh, ngày tháng năm sinh,...
104	G09.14	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0002 - Nhóm Thông tin về cơ quan	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung của đơn vị quản lý, đơn vị sử dụng CBCC
105	G09.15	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0003 - Nhóm Thông tin tuyển dụng	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin về tuyển dụng như: Họ tên cán bộ, ngày tuyển dụng lần đầu, nghề nghiệp trước khi tuyển dụng, vị trí tuyển dụng, ngày vào cơ quan hiện nay....
106	G09.16	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0004 - Nhóm Thông tin quy hoạch cán bộ	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin về quy hoạch cán bộ như: Họ tên, số CMT/CCCD, ngày tháng năm sinh, mạng danh sách chức vụ,

107	G09.17	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0005 - Nhóm Thông tin Đảng (thông tin chung)	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung về Đảng của cán bộ công chức (CBCC) như: là đảng viên không, ngày vào đảng chính thức, dự bị, sổ thẻ đảng viên, chức vụ đảng, chi bộ sinh hoạt
108	G09.18	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0006 - Nhóm Thông tin Đảng (thông quá trình sinh hoạt Đảng)	Bộ Nội vụ	Cung cấp các thông tin chung về CBCC, thông tin về đơn vị Đảng, danh mục các quyết định
109	G09.19	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0007 - Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo chuyên ngành	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo bồi dưỡng của CBCC
110	G09.20	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0008 - Nhóm Thông tin trình độ đào tạo cao nhất	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo chuyên môn
111	G09.21	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0009 - Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng lý luận chính trị	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình bồi dưỡng chính trị lý luận
112	G09.22	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0010 - Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng quản lý nhà nước	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình bồi dưỡng quản lý nhà nước
113	G09.23	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0011 - Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành
114	G09.24	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0012 - Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học
115	G09.25	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0013 - Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ

116	G09.26	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0014 - Nhóm Thông tin về trình độ khác (học hàm, học vị, chức danh khoa học...)	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về trình độ khác như: học hàm, học vị, chức danh khoa học....
117	G09.27	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0015 - Nhóm Thông tin Quá trình công tác	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về quá trình công tác
118	G09.28	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0016 - Nhóm Thông tin Quá trình tham gia các tổ chức xã hội	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về quá trình tham gia các tổ chức xã hội
119	G09.29	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0017 - Nhóm Thông tin Đánh giá cán bộ	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về đánh giá, xếp loại cán bộ
120	G09.30	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0018 - Nhóm Thông tin Danh sách khen thưởng	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về khen thưởng
121	G09.31	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0019 - Nhóm Thông tin Danh sách kỷ luật	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về kỷ luật
122	G09.32	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0020 - Nhóm Thông tin Đại biểu quốc hội	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về có là đại biểu quốc hội hay không

123	G09.33	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0021 - Nhóm Thông tin Đại biểu hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, thông tin về có là đại biểu hội đồng nhân dân hay không
124	G09.34	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0022 - Nhóm Thông tin Bảng thông tin kiêm nhiệm	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc kiêm nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
125	G09.35	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0023 - Nhóm Thông tin Bảng thông tin bổ nhiệm	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc bổ nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
126	G09.36	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0024 - Nhóm Thông tin về việc bị bắt, bỏ tù	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc bị bắt, bỏ tù của cán bộ, công chức, viên chức
127	G09.37	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0025 - Nhóm Thông tin về làm việc cho chế độ cũ	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về việc làm việc cho chế độ cũ của cán bộ, công chức, viên chức
128	G09.38	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0026 - Nhóm Thông tin về việc tham gia, có quan hệ với tổ chức nước ngoài	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về tham gia, có quan hệ với tổ chức nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức
129	G09.39	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0027 - Nhóm Thông tin về thân nhân ở nước ngoài	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về thân nhân ở nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức

130	G09.40	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0028 - Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên vợ, chồng	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quan hệ bên vợ, chồng của cán bộ, công chức, viên chức
131	G09.41	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0029 - Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên bản thân	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quan hệ gia đình bên bản thân của cán bộ, công chức, viên chức
132	G09.42	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0030 - Nhóm Thông tin Quá trình Lương	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quá trình lương của cán bộ, công chức, viên chức
133	G09.43	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0031 - Nhóm Thông tin Quá trình phụ cấp	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về quá trình phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức
134	G09.44	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0032 - Nhóm Thông tin Tài sản khác	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin về tài sản của cán bộ, công chức, viên chức
135	G09.45	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0033 - Nhóm Thông tin nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức
136	G09.46	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0034 - Nhóm Thông tin nghỉ việc	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin nghỉ việc của cán bộ, công chức, viên chức

137	G09.47	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0035 - Nhóm Thông tin gián đoạn lao động	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin gián đoạn lao động của cán bộ, công chức, viên chức
138	G09.48	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0036 - Nhóm Thông tin bảo hiểm xã hội	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin bảo hiểm xã hội của cán bộ, công chức, viên chức
139	G09.49	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0037 - Nhóm Thông tin về mã số thuế	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin mã số thuế của cán bộ, công chức, viên chức
140	G09.50	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0038 - Nhóm Thông tin khác	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin khác của cán bộ, công chức, viên chức
141	G09.51	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0039 - Toàn bộ Thông tin hồ sơ điện tử	Bộ Nội vụ	Cung cấp toàn bộ thông tin hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức
142	G09.52	CSDL quốc gia về CBCCVC (phiên bản 1.0)	Dịch vụ M0040 - Tập đính kèm	Bộ Nội vụ	Cung cấp thông tin tệp đính kèm trong hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức
143	G09.53	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M01 – Nhóm toàn bộ Thông tin hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật toàn bộ các thông tin hồ sơ, quá trình lương, quá trình công tác, khen thưởng, kỷ luật, các thông tin về gia

					đình,.. cho cán bộ, công chức, viên chức
144	G09.54	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M02 - Thông tin chung hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API Thông tin chung Hồ sơ điện tử dùng để đồng bộ, cập nhật dữ liệu nhóm thông tin chung cơ bản của hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức
145	G09.55	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M03 – Nhóm Quá trình đào tạo, bồi dưỡng	Bộ Nội vụ	API dùng để đồng bộ, cập nhật nhóm các quá trình đào tạo, bồi dưỡng như Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, Lý luận chính trị, Quản lý nhà nước/ Chức danh nghề nghiệp/ Nghiệp vụ chuyên ngành, Tin học, Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc.
146	G09.56	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M04 - Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn (từ trung cấp trở lên cả trong nước và nước ngoài)	Bộ Nội vụ	API Quá trình đào tạo chuyên môn dùng để thêm các quá trình đào tạo về Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức
147	G09.57	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M05 - Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị	Bộ Nội vụ	API dùng để đồng bộ, cập nhật các quá trình bồi dưỡng về lý luận chính trị của cán bộ, công chức, viên chức
148	G09.58	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M06 – Bồi dưỡng quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật các thông tin về Quản lý nhà nước, Chức danh nghề nghiệp, Nghiệp vụ chuyên ngành của cán bộ, công chức, viên chức
149	G09.59	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M09 - Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ Tiếng dân tộc	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quá trình đào tạo, bồi dưỡng về Ngoại ngữ, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức

150	G09.60	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M10 – Tóm tắt quá trình công tác	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quá trình công tác cho cán bộ, công chức, viên chức
151	G09.61	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M11 - Nhóm thông tin đặc điểm lịch sử bản thân	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin về đặc điểm lịch sử bản thân cho cán bộ, công chức, viên chức
152	G09.62	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M12 - Bị bắt, tù đầy	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin về đặc điểm lịch sử bản thân: bị bắt tù đầy cho cán bộ, công chức, viên chức
153	G09.63	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M14 - Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin về đặc điểm lịch sử bản thân: tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài cho cán bộ, công chức, viên chức
154	G09.64	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M15 – Nhóm thông tin Khen thưởng, Kỷ luật	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin khen thưởng, kỷ luật cho cán bộ, công chức, viên chức
155	G09.65	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M16 - Thành tích thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức
156	G09.66	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M17 - Kỷ luật Đảng/ hành chính	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật danh sách kỷ luật của cán bộ, công chức, viên chức
157	G09.67	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M19 - Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin quan hệ gia đình Quan hệ gia đình bên bản thân cho cán bộ, công chức, viên chức

158	G09.68	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M20 - Cha, Mẹ, anh chị em ruột (bên vợ hoặc chồng)	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin quan hệ gia đình bên Vợ hoặc bên Chồng cho cán bộ, công chức, viên chức
159	G09.69	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M21 – Nhóm thông tin Hoàn cảnh kinh tế gia đình	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin Hoàn cảnh kinh tế gia đình của cán bộ, công chức, viên chức
160	G09.70	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M22 - Quá trình lương của bản thân	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật thông tin quá trình lương của bản thân cán bộ, công chức, viên chức
161	G09.71	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M23 - Các loại phụ cấp khác	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quá trình phụ cấp khác cho cán bộ, công chức, viên chức
162	G09.72	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M24 - Nguồn thu nhập chính của gia đình hàng năm	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật nhóm thông tin về nguồn thu nhập chính của gia đình hàng năm
163	G09.73	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M25 - Nhận xét, đánh giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật các thông tin về nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng cán bộ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức
164	G09.74	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M26 - Nghỉ việc	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật quyết định nghỉ việc và trạng thái nghỉ việc cho cán bộ, công chức, viên chức
165	G09.75	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M27 - Gián đoạn lao động	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật các thông tin gián đoạn lao động như điều chuyển, miễn nhiệm, bổ nhiệm,... cho cán bộ, công chức, viên chức

166	G09.76	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ M28 - Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện)	Bộ Nội vụ	API dùng để thêm mới, cập nhật tập tin đính kèm ảnh cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức
167	G09.77	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ CSDM01 - Dịch vụ Dữ liệu danh mục dùng chung	Bộ Nội vụ	API dùng để lấy các giá trị trong danh mục dùng chung, lấy dữ liệu danh mục CSDLQG về CBCCVC2.0
168	G09.78	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C01 – Dịch vụ chia sẻ dữ liệu đã được đối khớp với CSDLQG về Dân cư từ CSDLQG về CBCCVC	Bộ Nội vụ	API dùng để lấy dữ liệu đã được đối khớp với CSDLQG về Dân cư từ CSDLQG về CBCCVC để cập nhật vào hệ thống Bộ, ngành, địa phương
169	G09.79	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C02 – Dịch vụ chia sẻ dữ liệu đã được đối khớp với CSDLQG về BHXH từ CSDLQG về CBCCVC	Bộ Nội vụ	API dùng để lấy dữ liệu đã được đối khớp với (Cơ sở dữ liệu quốc gia) CSDLQG về (Bảo hiểm xã hội) BHXH từ CSDLQG về (Cán bộ công chức viên chức) CBCCVC để cập nhật vào hệ thống Bộ, ngành, địa phương
170	G09.80	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C03. API Chia sẻ thông tin đơn vị	Bộ Nội vụ	API cho phép chia sẻ các thông tin về đơn vị từ CSDLQG và CBCCVC về hệ thống tại Bộ, ngành, địa phương
171	G09.81	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C04 – Nhóm toàn bộ Thông tin hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Toàn bộ Thông tin hồ sơ CBCCVC cho phép các đơn vị có thể truy vấn Toàn bộ Thông tin hồ sơ điện tử của một cán bộ, công chức, viên chức
172	G09.82	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C05 - Thông tin chung hồ sơ CBCCVC	Bộ Nội vụ	API cho phép chia sẻ các thông tin chung của hồ sơ CBCCVC

173	G09.83	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C06 – Nhóm thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng của CBCCVC. Cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về quá trình bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý nhà nước, lý luận chính trị,...của CBCCVC
174	G09.84	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C07 – Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn (từ trung cấp trở lên cả trong nước và nước ngoài)	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về quá trình đào tạo chuyên môn trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
175	G09.85	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C08 - Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình bồi dưỡng lý luận chính trị trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
176	G09.86	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C09 – Bồi dưỡng quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức

177	G09.87	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C10 - Bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Quá trình bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức từ hệ thống CSDLQG về hệ thống tại BNĐP
178	G09.88	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C11 - Đào tạo, bồi dưỡng tin học	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình đào tạo, bồi dưỡng tin học trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
179	G09.89	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C12 - Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ tiếng dân tộc	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ tiếng dân tộc cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ/ tiếng dân tộc trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
180	G09.90	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C13 - Tóm tắt quá trình công tác	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quá trình công tác cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quá trình công tác trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
181	G09.91	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C14 – Nhóm thông tin đặc điểm lịch sử bản thân	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Đặc điểm lịch sử bản thân cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức

182	G09.92	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C15 – Bị bắt, tù đầy	Bộ Nội vụ	API chia sẻ thông tin bị bắt, tù đầy cho phép các đơn vị có thể truy vấn thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân: bị bắt, tù đầy trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
183	G09.93	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C16 – Bản thân có làm việc cho chế độ cũ	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Bản thân có làm việc cho chế độ cũ cho phép các đơn vị có thể truy vấn thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân: bản thân có làm việc cho chế độ cũ trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
184	G09.94	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C17 – Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Thông tin Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài cho phép các đơn vị có thể truy vấn thông tin về Đặc điểm lịch sử bản thân: Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ngoài trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
185	G09.95	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C18 – Nhóm thông tin Khen thưởng, Kỷ luật	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Khen thưởng, Kỷ luật cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Khen thưởng, Kỷ luật trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
186	G09.96	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C19 - Thành tích thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Danh sách khen thưởng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về

					Danh sách khen thưởng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
187	G09.97	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C19 - Thành tích thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Danh sách khen thưởng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Danh sách khen thưởng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
188	G09.98	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C20 - Kỷ luật Đảng/ hành chính	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Danh sách kỷ luật cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Danh sách kỷ luật trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
189	G09.99	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C21 – Nhóm thông tin Quan hệ gia đình	Bộ Nội vụ	API dùng để chia sẻ nhóm thông tin quan hệ gia đình của cán bộ, công chức, viên chức tại hệ thống Quốc gia về hệ thống Công chức, Viên chức tại địa phương
190	G09.100	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C22 - Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên bản thân cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quan hệ gia đình bên bản thân trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
191	G09.101	CSDL quốc gia về CBCVVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C23 - Cha, Mẹ, anh chị em ruột (bên vợ hoặc chồng)	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin Quan hệ gia đình bên vợ, chồng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về Quan hệ gia đình bên vợ, chồng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức

192	G09.102	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C24 – Nhóm thông tin Hoàn cảnh kinh tế gia đình	Bộ Nội vụ	API dùng để chia sẻ các thông tin về Hoàn cảnh kinh tế gia đình từ hệ thống Quốc gia về hệ thống tại Bộ, ngành, địa phương
193	G09.103	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C25 - Quá trình lương của bản thân	Bộ Nội vụ	API chia sẻ các thông tin lương của bản thân cán bộ, công chức, viên chức từ hệ thống Quốc gia về hệ thống tại Địa phương
194	G09.104	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C26 - Các loại phụ cấp khác	Bộ Nội vụ	API dùng để chia sẻ thông tin về phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức
195	G09.105	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C27 - Nguồn thu nhập chính của gia đình hàng năm	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin nguồn thu nhập chính của gia đình cán bộ, công chức, viên chức hàng năm
196	G09.106	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C28 - Nhận xét, đánh giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức
197	G09.107	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C29 – Nghỉ việc	Bộ Nội vụ	API cho phép chia sẻ trạng thái và thông tin nghỉ việc của hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước
198	G09.108	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C30 - Gián đoạn lao động	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Nhóm Thông tin gián đoạn lao động cho phép các đơn vị có thể truy vấn nhóm thông tin về gián đoạn lao động trong hồ sơ của một cán bộ, công chức, viên chức

199	G09.109	CSDL quốc gia về CBCVCV (Phiên bản 2.0)	Dịch vụ C31 - Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện)	Bộ Nội vụ	API chia sẻ Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện) cho phép các đơn vị có thể truy vấn Tập tin đính kèm Ảnh cá nhân (Ảnh đại diện) của một cán bộ, công chức, viên chức, công chức, viên chức
200	G10.01	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh sách đơn vị hành chính cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh sách đơn vị hành chính cấp tỉnh
201	G10.02	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy Danh sách đơn vị hành chính cấp huyện theo mã tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh sách đơn vị hành chính cấp huyện theo mã tỉnh
202	G10.03	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh sách đơn vị hành chính cấp xã theo huyện	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh sách đơn vị hành chính cấp xã theo huyện
203	G10.04	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục vùng kinh tế	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục vùng kinh tế
204	G10.05	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại đất hiện trạng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Danh mục loại đất hiện trạng

				(trước đây là Bộ TNMT)	
205	G10.06	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại đất hiện trạng theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại đất hiện trạng theo id
206	G10.07	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại đối tượng sử dụng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại đối tượng sử dụng
207	G10.08	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ danh mục loại đối tượng sử dụng theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại đối tượng sử dụng theo id
208	G10.09	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại khu vực tổng hợp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại khu vực tổng hợp
209	G10.10	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại khu vực tổng hợp theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại khu vực tổng hợp theo id
210	G10.11	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục mục đích sử dụng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Danh mục mục đích sử dụng

				(trước đây là Bộ TNMT)	
211	G10.12	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục mục đích sử dụng theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục mục đích sử dụng theo id
212	G10.13	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại cấp hạng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Tất cả danh mục loại cấp hạng
213	G10.14	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại cấp hạng theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại cấp hạng theo id
214	G10.15	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại địa danh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại địa danh
215	G10.16	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại địa danh theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại địa danh theo id
216	G10.17	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại điểm tọa độ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Danh mục loại điểm tọa độ

				(trước đây là Bộ TNMT)	
217	G10.18	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại điểm tọa độ theo ID	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại điểm tọa độ theo id
218	G10.19	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại mốc	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Tất cả danh mục loại mốc
219	G10.20	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại mốc theo ID	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại mốc theo id
220	G10.21	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại mốc địa giới	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Tất cả danh mục loại mốc địa giới
221	G10.22	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại mốc địa giới theo ID	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại mốc địa giới theo id
222	G10.23	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại quy hoạch	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Danh mục loại quy hoạch

				(trước đây là Bộ TNMT)	
223	G10.24	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại quy hoạch theo ID	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại quy hoạch theo id
224	G10.25	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại vùng thủy hệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại vùng thủy hệ
225	G10.26	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục loại vùng thủy hệ theo ID	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục loại vùng thủy hệ theo id
226	G10.27	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh sách thông tin metadata của dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id nhóm dữ liệu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh sách thông tin metadata của dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id nhóm dữ liệu
227	G10.28	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy thông tin chi tiết metadata của một dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Thông tin chi tiết metadata của một dữ liệu định dạng file số, hồ sơ quét theo id
228	G10.29	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ download file số, hồ sơ quét theo id lấy được bằng dịch vụ ở trên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	File số, hồ sơ quét theo id lấy được bằng dịch vụ ở trên

				(trước đây là Bộ TNMT)	
229	G10.30	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu về số liệu hiện trạng sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Dữ liệu về số liệu hiện trạng sử dụng đất
230	G10.31	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia
231	G10.32	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp vùng kinh tế	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp vùng kinh tế
232	G10.33	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia theo đối tượng sử dụng đất/đối tượng quản lý đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp quốc gia theo đối tượng sử dụng đất/đối tượng quản lý đất
233	G10.34	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy danh mục giai đoạn quy hoạch	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục giai đoạn quy hoạch

234	G10.35	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu về số liệu quy hoạch sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Dữ liệu về số liệu quy hoạch sử dụng đất
235	G10.36	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu về công trình, dự án	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Dữ liệu về công trình, dự án
236	G10.37	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy thông tin chi tiết công trình, dự án theo id	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Thông tin chi tiết công trình, dự án theo id
237	G10.38	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục giai đoạn ban hành giá đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Danh mục giai đoạn ban hành giá đất
238	G10.39	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục nhóm loại đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Tất cả danh mục nhóm loại đất
239	G10.40	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả danh mục loại xã, đô thị	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Tất cả danh mục loại xã, đô thị

				(trước đây là Bộ TNMT)	
240	G10.41	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả dữ liệu metadata khung giá đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Tất cả dữ liệu metadata khung giá đất
241	G10.42	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy tất cả dữ liệu metadata bảng giá đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Tất cả dữ liệu metadata bảng giá đất
242	G10.43	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ lấy dữ liệu metadata bảng giá đất theo mã tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Dữ liệu metadata bảng giá đất theo mã tỉnh
243	G10.44	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá Chất lượng đất của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá Chất lượng đất của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long
244	G10.45	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá tiềm năng của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá tiềm năng của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long

245	G10.46	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá khoanh điều tra của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu điều tra đánh giá khoanh điều tra của vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long
246	G10.47	CSDL quốc gia về đất đai	Dịch vụ bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu quy hoạch sử dụng đất đai của vùng kinh tế Duyên Hải Miền Trung	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Bản đồ (ArcgisServer REST Mapservice) của dữ liệu quy hoạch sử dụng đất đai của vùng kinh tế Duyên Hải Miền Trung
247	G10.48	Kết nối dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ lấy thông tin hồ sơ nộp tại Bộ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	API Dịch vụ lấy thông tin hồ sơ nộp tại Bộ
248	G10.49	Dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ cập nhật thông tin hồ sơ từ Địa phương lên Bộ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Kết nối cập nhật thông tin hồ sơ từ Địa phương lên Bộ
249	G10.50	Dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ mới nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ TN&MT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ TNMT)	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ mới nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ Tài nguyên và Môi trường
250	G10.51	Dịch vụ công thiết yếu Tài nguyên và môi trường	Dịch vụ cập nhật thông tin hồ sơ nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ TN&MT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Dịch vụ cập nhật thông tin hồ sơ nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên toàn quốc Bộ Tài nguyên và Môi trường

				(trước đây là Bộ TNMT)	
251	G06.01	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam	Dịch vụ lấy danh sách danh mục cấp 1	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Danh sách danh mục với thông tin phiên bản, số bản ghi, các endpoint của danh mục
252	G06.02	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam	Dịch vụ lấy cấu trúc danh mục	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Danh sách các trường dữ liệu của danh mục Văn bản điều hành cấp 1
253	G06.03	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà	Lấy dữ liệu cấp 1	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Danh sách dữ liệu

		nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam			
254	G06.04	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam	Danh mục - mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 2	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Danh sách các trường dữ liệu của danh mục Văn bản điều hành cấp 2
255	G06.05	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam	Lấy dữ liệu cấp 2	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Danh sách dữ liệu cấp 2
256	G06.06	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	Gói tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT từ HTTT nguồn trung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Gói tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT từ HTTT nguồn trung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh

257	G06.07	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	HTTT (Hệ thống thông tin) nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay sau khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay sau khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật
258	G06.08	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay sau khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay sau khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật
259	G06.09	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	Gói tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ cụm loa truyền thanh gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Gói tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ cụm loa truyền thanh gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
260	G06.10	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	Gói tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa thiết bị cụm loa gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Gói tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa thiết bị cụm loa gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
261	G06.11	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	Gói tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên bảng tin điện tử công cộng từ HTTT nguồn trung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Gói tin yêu cầu phát bản tin thông thường và bản tin ưu tiên trên bảng tin điện tử công cộng từ HTTT nguồn trung ương gửi đến HTTT nguồn cấp tỉnh

262	G06.12	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi bản tin được phát	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi bản tin được phát
263	G06.13	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	HTTT nguồn cấp tỉnh gửi dữ liệu đến HTTT nguồn trung ương ngay khi lịch phát bản tin được tạo lập hoặc cập nhật
264	G06.14	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	Gói tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Gói tin trạng thái hoạt động, trạng thái kết nối từ bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
265	G06.15	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	Gói tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Gói tin kích hoạt, thay thế, sửa chữa bảng tin điện tử công cộng gửi từ hệ HTTT nguồn cấp tỉnh đến HTTT nguồn trung ương
266	G06.16	Hệ thống thông tin nguồn Trung ương	Tình hình hoạt động thông tin cơ sở	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Tình hình hoạt động thông tin cơ sở

267	G06.17	Hệ thống quản lý nhiệm vụ	Dịch vụ tải file đính kèm	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Dịch vụ tải file đính kèm
268	G06.18	Hệ thống quản lý nhiệm vụ	Dịch vụ cập nhật tiến độ nhiệm vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Dịch vụ cập nhật tiến độ nhiệm vụ
269	G06.19	Hệ thống quản lý nhiệm vụ	Dịch vụ xin gia hạn nhiệm vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Dịch vụ xin gia hạn nhiệm vụ
270	G06.20	Hệ thống quản lý nhiệm vụ	Dịch vụ Thêm hoặc cập nhật nhiệm vụ trọng tâm mà Sở đẩy lên Bộ	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Dịch vụ Thêm hoặc cập nhật nhiệm vụ trọng tâm mà Sở đẩy lên Bộ
271	G06.21	Hệ thống quản lý nhiệm vụ	Dịch vụ Xóa nhiệm vụ Sở đã cập nhật lên hệ thống của Bộ	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Dịch vụ Xóa nhiệm vụ Sở đã cập nhật lên hệ thống của Bộ

272	G06.22	Hệ thống quản lý nhiệm vụ	Dịch vụ danh sách nhiệm vụ được giao	Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông)	Dịch vụ danh sách nhiệm vụ được giao
273	G15.01	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ tìm kiếm văn bản đầy đủ	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo thông số đầu vào như: kiểu văn bản, ngày văn bản, theo từ khóa
274	G15.02	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ tra soát văn bản theo lĩnh vực	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo lĩnh vực
275	G15.03	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ tra soát theo cơ quan biên tập	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo cơ quan biên tập
276	G15.04	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ tra soát theo cơ quan ban hành	Bộ Tư pháp	Trả ra tất cả các văn bản tìm kiếm theo cơ quan ban hành
277	G15.05	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetById	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo ngôn ngữ, tiếng anh hoặc tiếng Việt Nam
278	G15.06	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllLoaiVanBan	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo loại văn bản
279	G15.07	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllNguoiKy	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo người ký
280	G15.08	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ GetAllChucDanh	Bộ Tư pháp	Tìm kiếm văn bản theo chức danh
281	G15.09	CSDL về VBQPPL	Dịch vụ tải file đính kèm	Bộ Tư pháp	Cho phép tải file đính kèm

282	G15.10	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ đăng ký hộ tịch - dangKyHoTich	Bộ Tư pháp	Cho phép tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ tịch từ Hệ thống phần mềm một cửa hoặc Phần mềm hộ tịch của địa phương (thêm mới hoặc cập nhật thông tin mới nhất)
283	G15.11	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ danh mục - danhMuc	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về dữ liệu của các danh mục
284	G15.12	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ tra trạng thái xử lý hồ sơ – traTrangThaiHoSo	Bộ Tư pháp	Kiểm tra trạng thái xử lý hồ sơ (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).
285	G15.13	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ kết quả đăng ký hồ sơ – ketQuaDangKyHS	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về kết quả đăng ký (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).
286	G15.14	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ đã đăng ký – dsHoSoDangKy	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về danh sách hồ sơ đã đăng ký (lấy theo ngày cập nhật hồ sơ – là ngày hồ sơ được tạo mới trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp hoặc ngày hồ sơ được thay đổi thông tin gần nhất nếu hồ sơ đã được cập nhật, thay đổi nội dung).

287	G15.15	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ trả thông tin chi tiết từng hồ sơ đã lưu – traHoSo	Bộ Tư pháp	cho phép trả về thông tin chi tiết của từng hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp).
288	G15.16	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ trả thông tin chi tiết danh sách các hồ sơ – traDanhSachHoSo	Bộ Tư pháp	Cho phép trả về thông tin chi tiết của một danh sách các hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua danh sách ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp).
289	G15.17	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ nhanHoSoDangKy	Bộ Tư pháp	Mã định danh trên Lý lịch tư pháp
290	G15.18	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ traTrangThaiHs	Bộ Tư pháp	Trả thông tin trạng thái của một hồ sơ cụ thể từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
291	G15.19	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ traHoSo	Bộ Tư pháp	Cung cấp thông tin từ khai từ Phân hệ đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Phần mềm Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
292	G15.20	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ traDanhMuc	Bộ Tư pháp	Trả thông tin danh mục

293	G15.21	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ danhDauHsThanhCong	Bộ Tư pháp	Cập nhật trạng thái Phần mềm một cửa đã lấy dữ liệu thành công từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung
294	G15.22	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Dịch vụ traDsTrangThaiHs	Bộ Tư pháp	Trả danh sách trạng thái của các hồ sơ có thay đổi trạng thái từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
295	G15.23	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp (phiên bản liên thông VNIED)	Dịch vụ kết nối nhanHoSo	Bộ Tư pháp	Dịch vụ kết nối nhận hồ sơ
296	G15.24	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp (phiên bản liên thông VNIED)	Dịch vụ kết nối capNhatTrangThai	Bộ Tư pháp	Dịch vụ kết nối cập nhật trạng thái
297	G15.25	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp (phiên bản liên thông VNIED)	Dịch vụ kết nối capNhatDSTrangThai	Bộ Tư pháp	Dịch vụ kết nối cập nhật danh sách trạng thái
298	G15.26	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp (phiên bản liên thông VNIED)	Dịch vụ kết nối layDanhMuc	Bộ Tư pháp	Dịch vụ kết nối lấy danh mục

299	G15.27	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	Hàm đăng ký hộ tịch - dangKyHoTich	Bộ Tư pháp	Cho phép tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ tịch từ Hệ thống phần mềm một cửa hoặc Phần mềm hộ tịch của địa phương (thêm mới hoặc cập nhật thông tin mới nhất).
300	G15.28	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	Dịch vụ danh mục - danhMuc	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về dữ liệu của các danh mục
301	G15.29	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	Dịch vụ tra trạng thái xử lý hồ sơ – traTrangThaiHoSo	Bộ Tư pháp	Hàm kiểm tra trạng thái xử lý hồ sơ (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).
302	G15.30	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông đăng ký kết hôn và xác	Dịch vụ kết quả đăng ký hồ sơ – ketQuaDangKyHS	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về kết quả đăng ký (dựa trên Số phiếu tiếp nhận hồ sơ đã được sinh trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương).

		nhận tình trạng hôn nhân)			
303	G15.31	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ đã đăng ký – dsHoSoDangKy	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về danh sách hồ sơ đã đăng ký (lấy theo ngày cập nhật hồ sơ – là ngày hồ sơ được tạo mới trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch)
304	G15.32	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	Dịch vụ trả thông tin chi tiết từng hồ sơ đã lưu – traHoSo	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về thông tin chi tiết của từng hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp).
305	G15.33	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	Dịch vụ trả thông tin chi tiết danh sách các hồ sơ – traDanhSachHoSo	Bộ Tư pháp	Hàm chức năng cho phép trả về thông tin chi tiết của một danh sách các hồ sơ đã được lưu trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (lấy thông tin chi tiết qua danh sách ID của dữ liệu do Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cung cấp)

306	G15.34	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông Khai sinh, Khai tử, đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	API nhận hồ sơ đăng ký hộ tịch từ HTTT giải quyết TTHC của địa phương	Bộ Tư pháp	Thông tin phản hồi từ hệ thống ĐK & QLHT khi nhận thông tin đăng ký từ HTTT giải quyết TTHC của địa phương
307	G15.35	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông Khai sinh, Khai tử, đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	API cập nhật trạng thái và kết quả xử lý hồ sơ từ hệ thống ĐK & QLHT về NDXP	Bộ Tư pháp	Thông tin hồ sơ cần kiểm tra trạng thái xử lý
308	G15.36	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Liên thông Khai sinh, Khai tử, đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân)	API lấy thông tin danh mục của hệ thống ĐK & QLHT	Bộ Tư pháp	Chuỗi JSON mô tả dữ liệu danh mục. Cấu trúc JSON phụ thuộc từng loại danh mục

309	G15.37	Đồng bộ dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử từ BHXH sang bộ TP	API receiveRecord	Bộ Tư pháp	Dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử
310	G15.38	Đồng bộ dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử từ BHXH sang bộ TP	API loadCategory	Bộ Tư pháp	Chuỗi JSON mô tả dữ liệu danh mục. Cấu trúc JSON phụ thuộc từng loại danh mục Dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử
311	G15.39	Đồng bộ dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử từ BHXH sang bộ TP	GetGiayChungSinh06ChiTietModel	Bộ Tư pháp	Dịch vụ tra cứu dữ liệu giấy chứng sinh
312	G15.40	Đồng bộ dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử từ BHXH sang bộ TP	GetGiayBaoTu06ChiTietModel	Bộ Tư pháp	Dịch vụ tra cứu dữ liệu giấy báo tử
313	G19.01	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	API lấy dữ liệu danh mục	Ngân hàng Nhà nước	Dữ liệu danh mục

314	G19.02	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	API tra cứu tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng	Ngân hàng Nhà nước	Gửi yêu cầu tra cứu thông tin tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng theo khoảng thời gian truyền vào
315	G19.03	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	API tra cứu tỷ giá trung tâm	Ngân hàng Nhà nước	Gửi yêu cầu tra cứu tỷ giá trung tâm theo khoảng thời gian truyền vào
316	G19.04	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	API tra cứu tỷ giá tính chéo giữa VND với một ngoại tệ khác để xác định giá trị tính thuế	Ngân hàng Nhà nước	Gửi yêu cầu tra cứu thông tin tỷ giá tính chéo giữa VND với một ngoại tệ khác để xác định giá trị tính thuế theo khoảng thời gian truyền vào
317	G19.05	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	API tra cứu tỷ giá tham khảo tại Sở Giao dịch NHNN	Ngân hàng Nhà nước	Gửi yêu cầu tra cứu thông tin tỷ giá tham khảo tại Sở Giao dịch NHNN theo khoảng thời gian truyền vào
318	G19.06	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	API tra cứu kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở	Ngân hàng Nhà nước	Gửi yêu cầu tra cứu thông tin kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở theo khoảng thời gian truyền vào
319	G19.07	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	API truyền dữ liệu phi cấu trúc	Ngân hàng Nhà nước	Gửi dữ liệu phi cấu trúc theo tên báo cáo và thời gian truyền vào

320	EVN.01	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	hoadon	EVN. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Dịch vụ tra cứu và lấy hóa đơn
321	EVN.02	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	tiendocapdien	EVN. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Kiểm soát tiền độ cấp điện
322	EVN.03	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	tieuthudientinh	EVN. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Kiểm soát tiêu thụ điện của Tỉnh
323	EVN.04	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	tieuthudienhuyen	EVN. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Kiểm soát tiêu thụ điện cấp Huyện
324	EVN.05	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	catdien	EVN. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Kiểm soát cắt điện
325	EVN.06	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	uploadFile	EVN. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	uploadFile
326	EVN.07	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	tientiepnhan	EVN. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Dịch vụ tiền tiếp nhận khiếu nại

327	VNPOST.01	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ nhận thông tin vận đơn	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Nhận thông tin vận đơn
328	VNPOST.02	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ hủy vận đơn	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Hủy vận đơn
329	VNPOST.03	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ lấy thông tin vận chuyển	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Lấy thông tin vận chuyển
330	VNPOST.04	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ nhận thông tin hồ sơ gửi nhận qua VNPost	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Nhận thông tin hồ sơ gửi nhận qua VNPost
331	VNPOST.05	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ lấy thông tin giá cước vận chuyển	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Lấy thông tin giá cước vận chuyển

332	VNPOST.06	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ lấy thông tin cước thu hộ lệ phí HCC	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Lấy thông tin cước thu hộ lệ phí HCC
333	VNPOST.07	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ lấy thông tin bưu cục	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Lấy thông tin bưu cục
334	VNPOST.08	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Dịch vụ hiển thị giá cước niêm yết khi nộp	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Hiển thị trang giá cước niêm yết khi nộp
335	VNPOST.09	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Lấy mã VpostCode	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Lấy mã VpostCode
336	VNPOST.10	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Tra cứu địa chỉ từ mã Vpostcode	VNPOST. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Tra cứu địa chỉ từ mã Vpostcode
337	DNDD.01	CSDL Thông tin thuê bao	Dịch vụ đồng bộ thông tin số thuê bao	Doanh nghiệp VT di động	Dịch vụ đồng bộ thông tin số thuê bao